TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 815/2026/QĐST-HNGĐ	*P*húc Thịnh*, ngày 23 tháng 06 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 761/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trần Trọng T**, sinh ngày 12/10/1994

Căn cước công dân số: 001094022172, cấp ngày 27/04/2021.

Nơi cư trú: Thôn G, xã Q, TP Hà Nội

Bị đơn: Chị **Bùi Thị L**, sinh ngày 27/07/1999

Căn cước công dân số: 001199029301, cấp ngày 12/04/2013

Nơi cư trú: Xóm A - T, xã Y, TP Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 40/2020 ngày 15/06/2020 của UBND xã Q, huyện M, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 06 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Trọng T và chị Bùi Thị L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: Xác nhận anh T, chị L có con 01 chung tên là Trần Hương T1, sinh ngày 27/11/2020. Anh chị thoả thuận anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con T1 đến khi đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của Toà án. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, chị L được quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc con chung anh T không ai được ngăn cản.

- Về tài sản; công sức; công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo biên lai số 0014089 ngày 11/06/2026. Anh T được trả hoàn lại số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND khu vực 7 - HN .*
- *Phòng THADS khu vực 7.*
- *CQ đã thực hiện việc ĐKKH*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ; VP.*

THẨM PHÁN

Triệu Thuý Hà